ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 417/TTr-UBND	*Tân Biên, ngày 11 tháng 12 năm 2023*

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, kỳ họp thứ 2 về ban hành định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2021, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số /2023/ NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, kỳ họp 10 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 ban hành định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2021, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

UBND huyện Tân Biên kính trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024: 229.670 triệu đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2024: 511.974 triệu đồng (Năm trăm mười một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

a. Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 321.798 triệu đồng.

Trong đó:

- Các khoản thu hưởng 100%: 43.905 triệu đồng.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm: 277.893 triệu đồng.

b. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 144.139 triệu đồng:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 66.025 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 78.114 triệu đồng.

c. Sử dụng nguồn CCTL năm 2023 để thực hiện lương mới: 46.037 triệu đồng.

3. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024: 511.974 triệu đồng (Năm trăm mười một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu đồng), gồm:

a. Chi đầu tư phát triển: 113.222 triệu đồng.

- Chi từ cân đối ngân sách địa phương: 50.120 triệu đồng.

- Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu: 63.102 triệu đồng.

b. Chi thường xuyên: 387.145 triệu đồng, trong đó:

- Chi từ cân đối ngân sách địa phương: 372.133 triệu đồng, bao gồm:

+ Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 188.602 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 130 triệu đồng.

- Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu: 15.012 triệu đồng.

c. Dự phòng ngân sách: 8.677 triệu đồng

d. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.930 triệu đồng.

(Kèm theo các Biểu mẫu số 15, 16, 17)

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- Lưu: VT. TCKH.

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Minh Thanh

Biểu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 411/TTr-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (3)-(2)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**556.649**	**814.181**	**511.974**	**(302.207)**	**62,9%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**329.500**	**326.732**	**321.798**	**(4.934)**	**98,5%**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	37.105	76.646	43.905	(32.741)	57,3%
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	292.395	250.086	277.893	27.807	111,1%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**227.149**	**266.637**	**144.139**	**(122.498)**	**54,1%**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	62.825	62.825	66.025	3.200	105,1%
	Trong đó: bổ sung để thực hiện các nhiệm vụ nhưng còn thiếu nguồn		-	*3.200*	*3.200*	
2	Thu bổ sung nguồn thực hiện tiền lương				-	
3	Thu bổ sung có mục tiêu	164.324	203.812	78.114	(125.698)	38,3%
III	**Thu kết dư**		**4.227**		**(4.227)**	**0,0%**
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**216.585**	**46.037**	**(170.548)**	**21,3%**
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**556.649**	**814.181**	**511.974**	**(44.675)**	**62,9%**
1	Chi đầu tư phát triển	183.185	291.262	113.222	(69.963)	38,9%
2	Chi thường xuyên	365.639	388.164	387.145	21.506	99,7%
4	Dự phòng ngân sách	7.825		8.677	852	
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			2.930	2.930	
6	Chi chuyển trả ngân sách cấp trên		12.000			0,0%
7	Chi chuyển nguồn qua năm sau		122.755		-	0,0%

Biểu số 16

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 4[illegible]/TTr-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN	**229.670**	**226.670**
	Thu nội địa	**229.670**	**226.670**
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	125.940	125.940
-	*Thuế giá trị gia tăng*	*114.725*	*114.725*
+	*Hộ cá thể*	*5.300*	*5.300*
+	*Doanh nghiệp*	*109.425*	*109.425*
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*	*9.000*	*9.000*
-	*Thuế tiêu thụ đặc biệt*	*190*	*190*
-	*Thuế tài nguyên*	*2.025*	*2.025*
2	Thuế thu nhập cá nhân	38.000	38.000
3	Lệ phí trước bạ	19.500	19.500
4	Thu phí, lệ phí	3.100	3.100
-	*Phí và lệ phí huyện*	*1.580*	*1.580*
-	*Phí và lệ phí xã, phường*	*1.520*	*1.520*
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	130	*130*
6	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	800	*800*
7	Thu tiền sử dụng đất	32.000	*32.000*
8	Thu khác ngân sách	10.000	7.000
9	Thu khác tại xã	200	200

Biểu số 17

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 411/TTr-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**556.649**	**511.974**	**(44.675)**	**92,0%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**183.185**	**113.222**	**8.000**	**61,8%**
1	Chi cân đối	41.620	50.120		
-	*Vốn xây dựng cơ bản tập trung*	*16.120*	*15.620*	*(500)*	*96,9%*
-	*Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	*23.500*	*32.000*	*8.500*	*136,2%*
-	*Vốn ủy thác qua ngân hàng chính sác*	*2.000*	*2.500*	*500*	*125,0%*
2	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiê	141.565	63.102		
II	**Chi thường xuyên**	**365.639**	**387.145**	**21.506**	**105,9%**
1	Chi cân đối	342.880	372.133		
	Trong đó:			-	0,0%
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	*176.790*	*188.602*	11.812	106,7%
	Chi khoa học và công nghệ	*130*	*130*	-	100,0%
2	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiê	22.759	15.012		
III	**Dự phòng ngân sách**	**7.825**	**8.677**	**852**	**110,9%**
IV	**Chi tạo nguồn cải cách tiền lương**		**2.930**	**2.930**	**0,0%**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Tân Biên, ngày tháng năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, Kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, Kỳ họp thứ 10 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024, gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024: 229.670 triệu đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2024: 511.974 triệu đồng (Năm trăm mười một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

a) Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 321.798 triệu đồng. Trong đó:

- Các khoản thu hưởng 100%: 43.905 triệu đồng.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm: 277.893 triệu đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 144.139 triệu đồng:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 66.025 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 78.114 triệu đồng.

c) Sử dụng nguồn CCTL năm 2023 để thực hiện lương mới: 46.037 triệu đồng.

3. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024: 511.974 triệu đồng (Năm trăm mười một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu đồng), gồm:

a) Chi đầu tư phát triển: 113.222 triệu đồng.

- Chi từ cân đối ngân sách địa phương: 50.120 triệu đồng.

- Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu: 63.102 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên: 387.145 triệu đồng, trong đó:

- Chi từ cân đối ngân sách địa phương: 372.133 triệu đồng, bao gồm:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 188.602 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 130 triệu đồng.

- Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu: 15.012 triệu đồng.

c) Dự phòng ngân sách: 8.677 triệu đồng.

d) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.930 triệu đồng

(Kèm theo các Biểu mẫu số 15, 16, 17)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên Khoá XII, Kỳ họp thứ 7 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT.HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN và các đoàn thể huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP HĐND và UBND huyện

CHỦ TỊCH

Thành Từ Dũ

Biểu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (3)-(2)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**556.649**	**814.181**	**511.974**	**(302.207)**	**62,9%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**329.500**	**326.732**	**321.798**	**(4.934)**	**98,5%**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	37.105	76.646	43.905	(32.741)	57,3%
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	292.395	250.086	277.893	27.807	111,1%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**227.149**	**266.637**	**144.139**	**(122.498)**	**54,1%**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	62.825	62.825	66.025	3.200	105,1%
	Trong đó: bổ sung để thực hiện các nhiệm vụ nhưng còn thiếu nguồn		-	*3.200*	*3.200*	
2	Thu bổ sung nguồn thực hiện tiền lương				-	
3	Thu bổ sung có mục tiêu	164.324	203.812	78.114	(125.698)	38,3%
III	**Thu kết dư**		**4.227**		**(4.227)**	**0,0%**
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**216.585**	**46.037**	**(170.548)**	**21,3%**
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**556.649**	**814.181**	**511.974**	**(44.675)**	**62,9%**
1	Chi đầu tư phát triển	183.185	291.262	113.222	(69.963)	38,9%
2	Chi thường xuyên	365.639	388.164	387.145	21.506	99,7%
4	Dự phòng ngân sách	7.825		8.677	852	
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			2.930	2.930	
6	Chi chuyển trả ngân sách cấp trên		12.000			0,0%
7	Chi chuyển nguồn qua năm sau		122.755		-	0,0%

Biểu số 16

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN	**229.670**	**226.670**
	Thu nội địa	**229.670**	**226.670**
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	125.940	125.940
-	*Thuế giá trị gia tăng*	*114.725*	*114.725*
+	*Hộ cá thể*	*5.300*	*5.300*
+	*Doanh nghiệp*	*109.425*	*109.425*
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*	*9.000*	*9.000*
-	*Thuế tiêu thụ đặc biệt*	*190*	*190*
-	*Thuế tài nguyên*	*2.025*	*2.025*
2	Thuế thu nhập cá nhân	38.000	38.000
3	Lệ phí trước bạ	19.500	19.500
4	Thu phí, lệ phí	3.100	3.100
-	*Phí và lệ phí huyện*	*1.580*	*1.580*
-	*Phí và lệ phí xã, phường*	*1.520*	*1.520*
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	130	*130*
6	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	800	*800*
7	Thu tiền sử dụng đất	32.000	*32.000*
8	Thu khác ngân sách	10.000	7.000
9	Thu khác tại xã	200	200

Biểu số 17

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**556.649**	**511.974**	**(44.675)**	**92,0%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**183.185**	**113.222**	**8.000**	**61,8%**
1	Chi cân đối	41.620	50.120		
-	*Vốn xây dựng cơ bản tập trung*	*16.120*	*15.620*	*(500)*	*96,9%*
-	*Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	*23.500*	*32.000*	*8.500*	*136,2%*
-	*Vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách*	*2.000*	*2.500*	*500*	*125,0%*
2	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	141.565	63.102		
II	**Chi thường xuyên**	**365.639**	**387.145**	**21.506**	**105,9%**
1	Chi cân đối	342.880	372.133		
	Trong đó:			-	0,0%
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	*176.790*	*188.602*	11.812	106,7%
	Chi khoa học và công nghệ	*130*	*130*	-	100,0%
2	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	22.759	15.012		
III	**Dự phòng ngân sách**	**7.825**	**8.677**	**852**	**110,9%**
IV	**Chi tạo nguồn cải cách tiền lương**		**2.930**	**2.930**	**0,0%**

Biểu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (3)-(2)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**556.649**	**814.181**	**511.974**	**(302.207)**	**62,9%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**329.500**	**326.732**	**321.798**	**(4.934)**	**98,5%**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	37.105	76.646	43.905	(32.741)	57,3%
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	292.395	250.086	277.893	27.807	111,1%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**227.149**	**266.637**	**144.139**	**(122.498)**	**54,1%**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	62.825	62.825	66.025	3.200	105,1%
	Trong đó: bổ sung để thực hiện các nhiệm vụ nhưng còn thiếu nguồn		-	*3.200*	*3.200*	
2	Thu bổ sung nguồn thực hiện tiền lương				-	
3	Thu bổ sung có mục tiêu	164.324	203.812	78.114	(125.698)	38,3%
III	**Thu kết dư**		**4.227**		**(4.227)**	**0,0%**
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**216.585**	**46.037**	**(170.548)**	**21,3%**
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**556.649**	**814.181**	**511.974**	**(44.675)**	**62,9%**
1	Chi đầu tư phát triển	183.185	291.262	113.222	(69.963)	38,9%
2	Chi thường xuyên	365.639	388.164	387.145	21.506	99,7%
4	Dự phòng ngân sách	7.825		8.677	852	
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			2.930	2.930	
6	Chi chuyển trả ngân sách cấp trên		12.000			0,0%
7	Chi chuyển nguồn qua năm sau		122.755		-	0,0%

Biểu số 16

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN	**229.670**	**226.670**
	Thu nội địa	**229.670**	**226.670**
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	125.940	125.940
-	*Thuế giá trị gia tăng*	*114.725*	*114.725*
+	*Hộ cá thể*	*5.300*	*5.300*
+	*Doanh nghiệp*	*109.425*	*109.425*
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*	*9.000*	*9.000*
-	*Thuế tiêu thụ đặc biệt*	*190*	*190*
-	*Thuế tài nguyên*	*2.025*	*2.025*
2	Thuế thu nhập cá nhân	38.000	38.000
3	Lệ phí trước bạ	19.500	19.500
4	Thu phí, lệ phí	3.100	3.100
-	*Phí và lệ phí huyện*	*1.580*	*1.580*
-	*Phí và lệ phí xã, phường*	*1.520*	*1.520*
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	130	*130*
6	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	800	*800*
7	Thu tiền sử dụng đất	32.000	*32.000*
8	Thu khác ngân sách	10.000	7.000
9	Thu khác tại xã	200	200

Biểu số 17

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**556.649**	**511.974**	**(44.675)**	**92,0%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**183.185**	**113.222**	**8.000**	**61,8%**
1	Chi cân đối	41.620	50.120		
-	*Vốn xây dựng cơ bản tập trung*	*16.120*	*15.620*	*(500)*	*96,9%*
-	*Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	*23.500*	*32.000*	*8.500*	*136,2%*
-	*Vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách*	*2.000*	*2.500*	*500*	*125,0%*
2	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	141.565	63.102		
II	**Chi thường xuyên**	**365.639**	**387.145**	**21.506**	**105,9%**
1	Chi cân đối	342.880	372.133		
	Trong đó:			-	0,0%
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	*176.790*	*188.602*	11.812	106,7%
	Chi khoa học và công nghệ	*130*	*130*	-	100,0%
2	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	22.759	15.012		
III	**Dự phòng ngân sách**	**7.825**	**8.677**	**852**	**110,9%**
IV	**Chi tạo nguồn cải cách tiền lương**		**2.930**	**2.930**	**0,0%**